TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DSST
Ngày: 21-02-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh;

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 2 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 139/17, tổ 8B, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 17/2, tổ 8B, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ 8B, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, yêu cầu

giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan:

1. Ông Võ Văn M, sinh năm 1959;

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Số 95 đường ĐTL, khu phố 2, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, tất cả vắng mặt không có lý do.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 8B, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 5B, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Bà Phan Thị Xuân M, sinh năm 1996;

Địa chỉ: tổ 1, ấp BG, xã PA, thành phố BC, tỉnh Bình Dương, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 2/10/2023, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 2/1/2024 và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 7/8/2024 nguyên đơn ông Phan Văn Tr trình bày:

Ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 713 tờ bản đồ số 12 tại xã Phú An, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Năm 2022, ông Tr tách thửa đất số 713 thành thửa đất số 1911 và 1912, trong đó thửa đất số 1911 ông Tr tặng cho con gái là Phan Thị Xuân, ông Tr còn lại thửa đất số 1912. Hướng nam thửa đất số 1912 của ông Tr có một phần giáp với con đường đất, lối đi này này hình thành từ năm 1975 cho đến nay, lối đi có thể hiện trên bản đồ địa chính của xã Phú An và được Ủy ban xã Phú An quản lý, lối đi này có chiều dài khoảng 200m, rộng 2,7m thông ở hai đầu và được các chủ sử dụng đất giáp với lối đi sử dụng để đi lại thông ra đường lớn, lối đi này nằm chính giữa thửa đất số 1041 tờ bản đồ số 12 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H và thửa đất số 238 tờ bản đồ số 12 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Ng. Khoảng năm 2012, bà Ng và Hận rào chắn, xây tường quây tôn toàn bộ lối đi, không cho ai đi

lại trên lối đi này để ra đường lớn, khi phát hiện sự việc thì ông Tr và các hộ dân phản tố và yêu cầu bà Ng, bà H tháo dỡ tường rào trả lại lối đi nhưng bà Ng và bà H không thực hiện. Hiện nay, bà Ng đã chết, thửa đất số 238 cùng toàn bộ phần đất bà Ng lấn chiếm hiện tại đang do bà Trần Thị G là con ruột của bà Ng trực tiếp quản lý, sử dụng. Mặc dù đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng bà H, bà Trần Thị G và các anh em là ông Võ Văn M, ông Trần Văn L đều không chịu tháo dỡ tường rào để trả lại lối đi chung đã lấn chiếm.

Nay, ông Tr khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc bà Lê Thị H tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên phần đất diện tích 112,2m^2 và buộc bà H trả lại phần đất này làm lối đi chung.

- Buộc những người thừa kế của bà Trần Thị Ng là bà Trần Thị G, ông Võ Văn M và ông Trần Văn L (người đang trực tiếp sử dụng đất là bà Trần Thị G) tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên phần đất diện tích 112,1m^2 và buộc các ông, bà trả lại phần đất này làm lối đi chung.

Bị đơn bà Trần Thị G trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024 bà Gái có ý kiến, đất là của mẹ bà Gái là bà Trần Thị Ng, đất có ranh giới và sử dụng ổn định từ sau năm 1975, Hàng rào đã được xây dựng từ mười mấy năm nay nhưng ông Tr và những người dân xung quanh, chính quyền địa phương không ai có ý kiến gì, bà Gái không đồng ý với việc mở đường của xã Phú An và cơ quan cấp đất. Vì vậy, bà Gái không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Khoảng năm 1975, khi nhà nước giao đất các hộ dân xung quanh không có đường đi nên gia đình bà Gái và gia đình bà H có chừa đường chân cho bà con đi, sau này khi nhà nước mở đường khác bà con không sử dụng con đường này nữa thì gia đình bà Gái rào lại cho đến nay.

Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Tại bản tự khai ngày 2/11/2023 và đơn trình bày ngày 20/8/2024 bà H có ý kiến là bà có quyền sử dụng đất giáp với lối đi chung mà ông Tr đang tranh chấp, bà H thừa nhận có lối đi chung chiều dài khoảng 200m rộng 2,7m giáp với đất của bà H và bà Trần Thị Ng như ông Tr trình bày, lối đi hình thành từ năm 1975 cho đến nay, lối đi này trước đây được các hộ dân sử dụng làm lối đi chung. Do quá trình sử dụng đất bà H thấy lối đi ít người qua lại và thấy bà Trần Thị Ng có lấn chiếm xây hàng rào B40 nên bà H cũng có lấn lối đi chung này bằng cách xây hàng rào B40. Bà H có ý kiến là bà không tranh chấp lối đi với ông Tr, nếu các con của bà Ng là bà Trần Thị G, ông Võ Văn M và ông Trần Văn L chấm dứt hành vi lấn chiếm lối đi chung, tháo dỡ hàng rào lưới B40 và trả lại lối đi chung theo yêu cầu của ông Tr thì bà Gái đồng ý tháo dỡ hàng rào B40 và trả lại lối đi chung theo yêu cầu của ông Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M và Trần Văn L trình bày: Ông M và ông L đã được tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến,

tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông M và ông L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L là vợ của ông Tr, bà L thống nhất theo toàn bộ ý kiến trình bày của ông Tr, bà L không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà L1 là con gái của bà H, khi bà L1 còn sống chung với bà H thì bên hông thửa đất gia đình bà H có 1 lối đi dẫn ra các phần đất phía sau, lối đi này rộng khoảng gần 3m, sau đó bà L1 không sống trên đất nên cũng không biết lý do gì mà lối đi bị bít lại, bà L1 có nghe bà H nói do phía bà Ng rào phần bên phía bà Ng nên bà H cũng rào 2 đầu bên phần nhà bà H. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr thì bà L1 thống nhất theo ý kiến của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà T là con gái của bà H, bà T thống nhất theo ý kiến của bà H, trước đây có lối đi qua đất của bà H và gia đình của bà Gái. Tuy nhiên sau đó do không có người sử dụng nên gia đình bà T và bà Gái đã bít lối đi, rào lại để sử dụng khoảng 20 năm nay. Nay, ông Tr khởi kiện thì gia đình bà T đồng ý trả lại lối đi với điều kiện gia đình bên phía bà Gái cũng phải trả lại phần bà Gái đang sử dụng. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia hộ bà H thì gia đình bà H có 3 người gồm bà H, bà L1 và bà T, hiện tại chỉ có bà H và bà T sinh sống trên thửa đất giáp với lối đi tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Xuân M trình bày: Bà M là con của ông Phan Văn Tr, năm 2022 bà M được ông Tr tặng cho phần đất thuộc thửa đất số 1911 tờ bản đồ số 12 tại xã Phú An, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thửa đất của bà M giáp với lối đi hiện đang tranh chấp, lối đi này từ khi bà M sinh ra đã thấy, có chiều ngang khoảng 2,7m nối đường ĐX609 và ĐX 609.008, cách đây khoảng 10 năm thì bà Ng xây tường rào bít lại ½ lối đi, bà H có đất bên cạnh cũng rào bít lại ½ lối đi còn lại. Nay bà M thống nhất với ý kiến của ông Phan Văn Tr.

Tại phiên tòa.

Nguyên đơn thống nhất giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc bà Lê Thị H tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên phần đất diện tích 112,2m^2 và buộc bà H trả lại phần đất này làm lối đi chung. Buộc những người thừa kế của bà Trần Thị Ng là bà Trần Thị G, ông Võ Văn M và ông Trần Văn L (người đang trực tiếp sử dụng đất là bà Trần Thị G) tháo dỡ

toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên phần đất diện tích 112,1m^2 và buộc các ông, bà trả lại phần đất này làm lối đi chung.

Đồng thời, tại phiên toà ông Tr cũng yêu cầu bà H, bà Gái cùng ông M, ông L phải chấm dứt hành vi bao chiếm, sử dụng phần đất thuộc lối đi chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị Xuân M, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M, ông Trần Văn L đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông bà theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Lối đi nguyên đơn ông Tr tranh chấp với bị đơn bà Gái, bà H qua đo đạc thực tế có diện tích 224,3m^2, trong đó bà Gái đang sử dụng diện tích 112,1m^2 có chiều ngang 1,35m, bà H sử dụng diện tích 112,2m^2 có chiều ngang 1,35m, phía bắc của lối đi giáp thửa đất số 238 tờ bản đồ số 12 cấp cho bà Trần Thị Ng, phía nam giáp với thửa đất số 1041 tờ bản đồ số 12 cấp cho hộ bà Lê Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 QSDĐ/1467/QĐ-UB ngày 20/12/1999, tài sản trên phần lối đi do bà H sử dụng có hàng rào, bồn nước; trên phần lối đi do bà Gái sử dụng có hàng rào, một phần của nhà kho, 12 cây cao su, 04 cây lồng mức;

Tại công văn số 2155/CNBC-KTĐĐ&BĐ ngày 4/10/2024 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Cát về lồng ghép ranh với nội dung phúc đáp cho tòa án: không có cơ sở lồng ghép ranh mốc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 238, 1041 với mãnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý, cũng không có cơ sở lồng ghép mãnh trích lục với ranh mốc theo bản đồ địa chính chính quy khu vực tranh chấp thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 238 và 1041 do không cùng hệ tọa độ.

Tuy nhiên, Theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc, chỉnh lý số 40-2024 ngày 9/7/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Cát

cung cấp; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03669 ngày 9/3/2009 cấp cho ông Phan Văn Tr đối với thửa đất số 713 tờ bản đồ số 12, cập nhật biến động tách thành thửa số 1911 và 1912 thể hiện thửa đất số 1911 và 1912 tại vị trí giáp với lối đi tranh chấp là đường đất, cụ thể giấy chứng nhận thửa 1911 thể hiện đường đất 2,7m; trước đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 cấp cho bà Lê Thị H thể hiện có một lối đi nằm dọc theo thửa đất số 273 (hiện thửa 273 tách ra thành nhiều thửa trong đó có thửa 1041 của bà H) và giáp với thửa đất số 238 của bà Trần Thị Ng, lối đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này qua đối chiếu trùng vị trí với lối đi hiện ông Tr tranh chấp.

Kết quả xác minh ngày 26/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Phú An, thành phố Bến Cát thể hiện lối đi tranh chấp giữa ông Tr với bà Gái, bà H thuộc một phần con đường đi nối ngang giữa đường ĐH609 sang đường làng và nối dài ra phía sau, con đường này là đường lô, nằm song song với con đường ĐX 609. Về nguồn gốc hình thành, đây là đường lô đã hình thành từ rất lâu trước đây, tại bản đồ địa chính năm 2000 vẫn thể hiện rõ về con đường này, thời gian sau này do quá trình sử dụng người dân ít đi lại nên các hộ sử dụng đất liền kề đã bít luôn lối đi, do đó bản đồ địa chính hiện tại của địa phương không thể hiện phần đất tranh chấp là lối đi nữa mà là đất do người dân sử dụng, khi bà H và bà Ng xây dựng tường rào trên đất tranh chấp không xin phép, thông báo địa phương nên địa phương không rõ, con đường là đường đi công cộng. Tuy nhiên, tuyến đường này không nằm trong danh mục những tuyến đường do nhà nước quản lý nên địa phương không rõ về chiều dài, bề rộng của con đường.

Tại bản tự khai ngày 2/11/2023; đơn trình bày, xin vắng mặt ngày 20/8/2024 bà Lê Thị H thừa nhận lối đi ông Tr tranh chấp là lối đi chung, do không có ai sử dụng và thấy bà Trần Thị Ng có lấn chiếm lối đi này để xây hàng rào nên bà H cũng có lấn lối đi chung này bằng cách xây hàng rào lưới B40, nay nếu các con của bà Ng là bà Gái, ông L, ông M tháo dỡ hàng rào trả lại lối đi thì bà H cũng đồng ý trả lại phần lối đi bà H lấn chiếm.

Tại biên bản hòa giải ngày 6 và 20 tháng 4 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã Phú An, thành phố Bến Cát, bị đơn bà Gái thừa nhận có con đường đi chung nhưng gia đình bà Gái rào lại đã lâu không ai có ý kiến nên nay bà Gái không đồng ý mở lại.

Xét, từ các chứng cứ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, ông Tr và sau này bà Xuân (con của ông Tr), mãnh trích lục địa chính có đo đạc, chỉnh lý đối với phần đất tranh chấp, kết quả xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng lối đi tranh chấp và sự thừa nhận của bị đơn bà Gái, bà H có căn cứ xác định lối đi ông Tr tranh chấp với bị đơn là lối đi chung chứ không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ng hay bà H.

Về chiều rộng của lối đi, mặc dù trước đây giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H, ông Tr không thể hiện bao nhiêu mét. Tuy nhiên, đến khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Phan Thị Xuân M thì lối đi được thể hiện cụ thể là 2,7m và cũng được thể hiện tại Mãnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý mà chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thực hiện (tại vị trí giáp với lối đi tranh chấp). Do đó ông Tr trình bày lối đi rộng 2,7m là có căn cứ.

Do lối đi tranh chấp là lối đi công cộng nên việc bà Ng (mẹ bà Gái, ông M và ông L) và bà H xây hàng, công trình khác và bao chiếm lối đi là vi phạm pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr buộc bà H và những người thuộc hàng thừa kế nhứ nhất của bà Ng là bà Gái, ông M và ông L tháo dỡ, di lời hàng rào và các tài sản khác trả lại đất làm lối đi chung.

[3] Về chi phí đo đạc, định giá, sao lục hồ sơ: Tổng cộng là 5.754.000 đồng, ông Tr đã tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, ông Mãnh, ông L và bà Gái mỗi người phải trả cho ông Tr số tiền 1.918.000 đồng (một triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát về phần nội dung vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 245 và 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Tr đối với bị đơn bà Trần Thị G, bà Lê Thị H về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Ng là bà Trần Thị G, ông Trần Văn L và ông Võ Văn M có nghĩa vụ thanh lý, chặt hạ toàn bộ cây trồng, tháo dỡ, đi dời ra khỏi phần đất diện tích 112,1m^2 các tài sản gồm hàng rào trụ bê tông, móng xây gạch phía trên có kẽm lưới B40 có ốp vách

tole diện tích 167m^2; hàng rào xây gạch có tô, sơn với diện tích 2,7m^2; một phần hàng rào kết cấu cột xây gạch, có tô, sơn diện tích 2,97m^2; một phần của nhà kho diện tích 5,4m^2; 01 trụ đèn; 12 cây cao su, 04 cây lồng mức. Buộc bà Trần Thị G, ông Trần Văn L và ông Võ Văn M chấm dứt hành vi bao chiếm, sử dụng phần đất diện tích 112,1m^2 và giao trả phần đất này để làm lối đi chung (ký hiệu là I trên bản vẽ).

Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất diện tích 112,2m^2 các tài sản gồm: Đoạn hàng rào lưới B40 diện tích 1,62m^2; đoạn hàng rào trụ bê tông lưới thép gai diện tích 15,24m^2; chân và bồn nước inox. Buộc bà Lê Thị H chấm dứt hành vi bao chiếm, sử dụng phần đất diện tích 112,2m^2 và giao trả phần đất này để làm lối đi chung (ký hiệu là II trên bản vẽ).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo thể hiện phần đất các ông bà phải giao trả làm lối đi chung).

2. Về chi phí đo đạc, định giá, sao lục hồ sơ: Tổng cộng 5.754.000 đồng, ông Tr đã tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Mãnh, ông L và bà Gái mỗi người phải trả cho ông Tr số tiền 1.918.000 đồng (một triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng; bà Trần Thị G, ông Trần Văn L và ông Võ Văn M phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại ông Phan Văn Tr số tiền 300.000 đồng ông Tr đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012446 ngày 24/10/2023 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0000861 ngày 26/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

Nguyên đơn: Có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lục Kim Thanh **Đỗ Minh Tùng** **Nguyễn Văn Tiến**